TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20-9-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Nguyễn Thị Lợi

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị Phương T; cư trú tại Tập thể X, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên toà (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quang G; cư trú tại số X đường Y, thôn C, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Bùi Thị Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Phương T và anh Nguyễn Quang G kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng ngày 30 tháng 7 năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn C, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì

phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên ngăn, hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà ngày càng căng thẳng, trầm trọng và không còn khả năng khắc phục. Do mâu thuẫn căng thẳng, kéo dài nên chị Bùi Thị Phương T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở phường H, quận H sống ly thân với anh Nguyễn Quang G từ tháng 01 năm 2016; từ đó đến nay, vợ chồng không ai quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay chị Bùi Thị Phương T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quang G.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Quang M, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2008 và Nguyễn Hà P, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2012. Ly hôn chị Bùi Thị Phương T đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Quang M cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Hà P cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con do chị và anh G tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng tự phân chia nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Tại văn bản ngày 25 tháng 5 năm 2019, bị đơn là anh Nguyễn Quang G trình bày:

Anh Nguyễn Quang G và chị Bùi Thị Phương T tự nguyện xây dựng hạnh phúc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở tại gia đình bố mẹ đẻ anh tại thôn C, xã A. Quá trình chung sống vợ chồng hòa hợp đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2018, vợ chồng sống ly thân, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở phường H, quận H. Bản thân anh cũng có nhiều biện pháp khắc phục nhược điểm và động viên chị T quay về đoàn tụ. Nay chị T xin ly hôn, anh không đồng ý và đề nghị Tòa án giúp đỡ vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị T đã trình bày. Nếu phải ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Hà P cho anh nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Quang M cho chị T nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con do các bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhiều lần không có lý do nên đã không chấp hành các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Bùi Thị Phương T

được ly hôn với anh Nguyễn Quang G; về con chung, giao con chung Nguyễn Quang M, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2008 cho chị Bùi Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Hà P, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2012 cho anh Nguyễn Quang G trực tiếp nuôi dưỡng; thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Bùi Thị Phương T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xét xử vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, chị Bùi Thị Phương T, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn, anh Nguyễn Quang G đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng nhưng anh Nguyễn Quang G vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các bên đương sự, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định chị Bùi Thị Phương T và anh Nguyễn Quang G kết hôn với nhau do tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 30 tháng 7 năm 2008. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; hiện tại đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Bùi Thị Phương T và anh Nguyễn Quang G đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Bùi Thị Phương T được ly hôn với anh Nguyễn Quang G. Anh Nguyễn Quang G không đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án để tham gia hòa giải nên chứng tỏ việc anh G không đồng ý ly hôn không xuất phát từ tình cảm vợ chồng, do vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Quang G.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị Phương T và anh Nguyễn Quang G có 02 con chung Nguyễn Quang M, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2008 và Nguyễn Hà P, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2012. Ly hôn chị Bùi Thị Phương T và anh Nguyễn Quang G đều có quan điểm, chị Bùi Thị Phương T trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Quang M, anh Nguyễn Quang G trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hà P; việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung do các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy quan điểm của các đương sự hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung Nguyễn Quang M nên được chấp nhận.

[4] Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản: Do các đương sự không có yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị Phương T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Phương T được ly hôn với anh Nguyễn Quang G.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Quang M, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2008 cho chị Bùi Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Hà P, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2012 cho anh Nguyễn Quang G trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét giải quyết.

Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Phương T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Chị Bùi Thị Phương T đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0004205 ngày 24 tháng 4 năm 2019) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- UBND xã A, huyện A;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Duy Thạch